

# ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY LỚP TOEIC 250 THEO CHUẨN CỦA ETS-HOA KỲ & CHUẨN CTUT

(Cập nhật ngày 01/3/2020)

## I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

- Theo đúng Khung năng lực của Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ
- **Beginner (10-250):** Có thể đáp ứng được nhu cầu của việc sử dụng những từ và cụm từ được ghi nhớ. Có thể đặt câu hỏi ở dạng câu với độ chính xác hợp lý. Thường không thể tạo ra câu bằng ngôn ngữ. Thậm chí khi lặp lại, giao tiếp cũng bị hạn chế, ngay cả với người sử dụng để giao tiếp với những người không phải là bản ngữ.

Điểm	Nghe	Đọc
05-250	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hiểu đầy đủ về nhu cầu trong cuộc sống, chỉ đường, giá cả,...</li><li>- Hiểu những câu hỏi đơn giản trong những tình huống xã hội.</li><li>- Hiểu được sự trao đổi đơn giản trong nghề nghiệp hoặc đời sống cá nhân hàng ngày với một người thường nói chuyện với những người không nói tiếng mẹ đẻ.</li><li>- Nhận tin nhắn điện thoại đơn giản.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hiểu được những từ riêng lẻ ví dụ như: tên các cửa hàng.</li><li>- Đọc được những bản ghi nhớ và thực đơn đơn giản, lịch xe lửa, xe buýt, tín hiệu giao thông.</li><li>- Sử dụng được từ điển</li><li>- Hiểu được những hướng dẫn đơn giản.</li><li>- Đọc được những giao dịch kinh doanh đơn giản.</li><li>- Hiểu được những hướng dẫn kỹ thuật đơn giản</li></ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được sự giải thích mối liên hệ đến công việc hàng ngày trong một tình huống nhất định.</li> <li>- Hiểu một số thông báo du lịch.</li> <li>- Hiểu trong giao tiếp xã hội còn hạn chế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>cho người mới bắt đầu.</li> <li>- Sử dụng từ điển để hiểu được những văn bản về kỹ thuật cao hơn.</li> <li>- Đọc được chương trình cuộc họp.</li> </ul>
--	---	--

## II. THỜI LƯỢNG PHÂN BỐ

90 tiết (Trong đó, kỹ năng Nghe: 42 tiết, Đọc hiểu: 42 tiết, Ôn tập và kiểm tra đầu ra: 06 tiết)

## III. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

**\*Lớp 250**

Theo *Giáo trình STARTER TOEIC* của tác giả **Anne Taylor Casey Malarcher**

Buổi	Nghe	Đọc
1	<b>Introduction</b> <b>Chapter 2 UNIT 1</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Introduction</b> <b>Chapter 1 UNIT 1</b> Auxiliary Verbs <b>Chapter 2 UNIT 1</b> Part 5, 6, 7
2	<b>Chapter 2 UNIT 2</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 2</b> Tenses <b>Chapter 2 UNIT 2</b> Part 5, 6, 7
3	<b>Chapter 2 UNIT 3</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 3</b> Infinitive and Gerund <b>Chapter 2 UNIT 3</b> Part 5, 6, 7

<b>4</b>	<b>Chapter 2 UNIT 4</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 4</b> Participles and Participle clauses <b>Chapter 2 UNIT 4</b> Part 5, 6, 7
<b>5</b>	<b>Chapter 2 UNIT 5</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 5</b> Negation and Parallel Structures <b>Chapter 2 UNIT 5</b> Part 5, 6, 7
<b>6</b>	<b>Chapter 2 UNIT 6</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 6</b> Comparisons <b>Chapter 2 UNIT 6</b> Part 5, 6, 7
<b>7</b>	<b>Chapter 2 UNIT 7</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 7</b> Infinitive and Gerund <b>Chapter 2 UNIT 7</b> Part 5, 6, 7
<b>8</b>	<b>Chapter 2 UNIT 8</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 8</b> Relative Clauses <b>Chapter 2 UNIT 8</b> Part 5, 6, 7
<b>9</b>	<b>Chapter 2 UNIT 9</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 9</b> Modification and Word Order <b>Chapter 2 UNIT 9</b> Part 5, 6, 7
<b>10</b>	<b>Chapter 2 UNIT 10</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 10</b> Indefinite Pronouns <b>Chapter 2 UNIT 10</b> Part 5, 6, 7
<b>11</b>	<b>Chapter 2 UNIT 11</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 11</b> Voice <b>Chapter 2 UNIT 11</b> Part 5, 6, 7
<b>12</b>	<b>Chapter 2 UNIT 12</b> Part 1, 2, 3, 4	<b>Chapter 1 UNIT 12</b> Conjunctions and Prepositions <b>Chapter 2 UNIT 12</b> Part 5, 6, 7
<b>13</b>	<b>Revision</b>	<b>Revision</b>
<b>14</b>	<b>Revision</b>	<b>Revision</b>
<b>Revision + Actual Test</b>		

### III. TÀI LIỆU BỔ SUNG